

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2021

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiệt;
2. Ông Vũ Văn Hợp.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ : ấp Th, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Bùi Ngọc Ch**, sinh năm 1974

Địa chỉ : ấp Th, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Bùi Ngọc Ch vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-3-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày: Vào năm 1997 chị và anh Bùi Ngọc Ch thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống những năm đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn : Do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn cãi vã với nhau trong cuộc sống hàng ngày, anh Ch thường hay uống rượu về nhà kiếm chuyện với vợ con từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến cuối tháng 12 năm 2020 thì chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ch không thể hàn gắn lại được, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị quyết định ly hôn với anh Bùi Ngọc Ch.

Quá trình chung sống chị và anh Ch có 01 con chung tên Bùi Công Th, sinh ngày 17-4-1998, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung : Anh, chị có tạo dựng được một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đặng Thị H có yêu cầu:

- Về hôn nhân : Xin được ly hôn với anh Bùi Ngọc Ch
- Về con chung: Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16- 4-2021 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-4-2021 bị đơn anh Bùi Ngọc Ch trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị H yêu cầu xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Đặng Thị H
- Về con chung: Con đã trưởng thành, không cần Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Ch vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 01-4-2021 chị Đặng Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Ngọc Ch. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K. Bị đơn anh Bùi Ngọc Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch chung sống với nhau vào năm 1993 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị có 01 người con chung tên Bùi Công Th, sinh ngày 17-4-

1998, hiện nay con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị H là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch.

2. Về con chung: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị H và anh Bùi Ngọc Ch xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5 Về án phí: Chị Đặng Thị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001587 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; Chị H không phải nộp thêm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Ngọc Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

